

# Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố và Mật Nhân của Như Lai về Chư Bồ-tát Vạn Hạnh để Tu Chứng Liễu Nghĩa ♦ Quyển 2

Khi ngài Khánh Hỷ và các đại chúng nghe lời dạy bảo của Phật, thân tâm của họ an nhiên. Họ nhận ra rằng từ vô thủy đến nay đã đánh mất bốn tâm. Thay vào đó, họ nhận lầm duyên trần và hình bóng của sự phân biệt. Bây giờ họ đều khai ngộ. Họ như những đứa trẻ thất lạc bỗng nhiên gặp lại mẹ hiền. Họ chấp tay đánh lễ Phật. Họ muốn được nghe Như Lai hiển lộ tánh tương phản của thân và tâm: cái gì là chân và cái gì là vọng, cái gì là thật và cái gì là giả, cái gì hình thành rồi hoại diệt và cái gì bất sanh bất diệt.

Lúc bấy giờ vua Thăng Quân đứng lên và thưa với Phật rằng:

"[Thưa Thế Tôn!] Trước khi được Phật chỉ dạy, thuở xưa con đã gặp ngoại đạo Hắc Lãnh Tiển Phát và Đẳng Thăng Bất Tác Tử. Cả hai đồng bảo rằng, thân này sau khi chết sẽ hoàn toàn đoạn diệt và đó gọi là tịch diệt. Tuy nay đã gặp Phật nhưng con vẫn hoài nghi. Làm sao con có thể chứng biết cái tâm này chẳng sanh hay diệt? Bây giờ ở giữa đại chúng nơi đây, các vị hữu lậu thấy đều muốn nghe."

Phật bảo đại vương:

"Ta nay lại hỏi về thân thể hiện tại của ông. Thân xác thịt này của ông là đồng với kim cương, thường trụ bất hoại, hay là sẽ biến đổi hư hoại?"

"Thưa Thế Tôn! Hiện tại thân này của con sẽ luôn biến đổi cho tới khi hoại diệt."

Đức Phật bảo:

"Này đại vương! Ông chưa từng trải qua hoại diệt thì làm sao biết mình sẽ hoại diệt?"

"Thưa Thế Tôn! Thân này của con là vô thường và sẽ biến đổi hư hoại, mặc dù nó chưa từng hoại diệt. Nhưng bây giờ con quán sát thì thấy từng niệm của con phai đi, rồi niệm mới tiếp nối và cũng chẳng trụ, như lửa cháy thành tro rồi dần dần tiêu mất và hoại diệt chẳng ngừng. Qua đó con chắc chắn biết rằng, thân này cũng sẽ diệt tận."

Đức Phật bảo:

"Như thế, đại vương! Ông nay đã già yếu. Nhan mạo bây giờ mà so với thời trẻ thơ thì như thế nào?"

"Thưa Thế Tôn! Khi con là một đứa bé ở thuở xưa, làn da trơn mịn và tràn đầy năng lượng khi đến tuổi trưởng thành. Nhưng bây giờ ở lứa tuổi già suy, hình sắc khô héo, tinh thần lờ đờ, tóc bạc trắng, da mặt nhăn nheo, và e rằng không còn nhiều thời gian cho con nữa. Sức khỏe bây giờ thì làm sao mà có thể sánh với thời trai trẻ chứ?"

Đức Phật bảo:

"Này đại vương! Hình mạo của ông không thể hốt nhiên suy yếu như thế."

Nhà vua thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Sự biến đổi quá vi tế nên con khó nhận biết. Trải qua bao mùa lạnh nóng đổi dời và dần dần thì con trở thành như vậy."

Vì sao thế? Bởi khi con 20 tuổi, tuy gọi là thời niên thiếu, nhưng nhan mạo đã già so với lúc 10 tuổi. Ở tuổi 30 thì suy yếu hơn lúc 20 tuổi. Và bây giờ ở tuổi 62, con nhìn lại lúc 50 tuổi như một thời cường tráng."

Thưa Thế Tôn! Xem xét những biến đổi vi tế này, nay con nhận thấy rằng những sự thay đổi dẫn đến cái chết không phải chỉ từ mười năm đến mười năm, mà chúng phân ra từng giai đoạn nhỏ. Xem xét kỹ hơn, sự biến đổi ấy xảy ra từ năm này sang năm khác. Chính xác hơn, sao chúng chỉ xảy ra từng năm? Những sự biến đổi đó cũng xảy ra mỗi tháng. Làm sao chúng chỉ xảy ra mỗi tháng? Những sự biến đổi đó cũng xảy ra từng ngày. Và nếu ai tư duy kỹ, họ sẽ thấy có sự thay đổi không ngừng trong từng niệm. Cho nên con biết rằng thân con sẽ biến đổi cho đến khi hoại diệt."

Phật bảo đại vương:

"Ông thấy những sự biến hóa đổi dời không ngừng mà ngộ ra rằng ông sẽ hoại diệt. Nhưng có biết rằng khi ông hoại diệt, có thứ trong ông mà"

sẽ không hoại diệt với ông chăng?"

Vua Thăng Quân chấp tay và bạch Phật rằng:

"Dạ, con thật không biết."

Đức Phật bảo:

"Ta nay sẽ chỉ cho ông biết thể tánh bất sanh bất diệt.

Này đại vương! Khi ông thấy nước sông Hằng đầu tiên là lúc khoảng mấy tuổi?"

Nhà vua thưa rằng:

"Dạ, lúc lên ba tuổi, mẹ hiền của con đã dẫn con diện kiến Thiên thần Trường Mạng. Khi đi qua một dòng sông, con liền biết đó là nước sông Hằng."

Đức Phật bảo:

"Này đại vương! Như lời ông nói, khi ông 20 tuổi thì đã suy yếu hơn so với lúc 10 tuổi. Ngày tháng năm trôi qua, trong từng niệm luôn có sự đổi dời cho tới khi ông 60 tuổi. Hãy nghĩ xem lúc ông 3 tuổi đã nhìn thấy con sông đó, rồi đến khi 13 tuổi, nước của con sông đó như thế nào?"

Nhà vua thưa rằng:

"Dạ, nó giống như khi con được 3 tuổi. Và cho đến bây giờ, khi con 62 tuổi, nó vẫn giống như vậy."

Đức Phật bảo:

"Nay ông tự thương cảm cho mái tóc bạc và khuôn mặt nhăn nheo của mình. Chắc chắn rằng khuôn mặt hiện giờ của ông đã có nhiều nếp nhăn so với thời trẻ thơ. Nhưng nay khi ông nhìn lại sông Hằng, thị giác của ông bây giờ có khác biệt gì so với thị giác lúc còn thơ ấu chăng?"

Nhà vua thưa rằng:

"Dạ không, thưa Thế Tôn!"

Đức Phật bảo:

"Này đại vương! Tuy mặt của ông bị nhăn, nhưng bốn tánh của thị giác chưa từng bị nhăn. Những gì bị nhăn sẽ biến đổi. Những gì chẳng bị nhăn sẽ không biến đổi. Những gì biến đổi sẽ hoại diệt. Còn những gì không biến đổi thì chưa từng có sanh hay diệt. Thế thì làm sao nó bị ảnh hưởng bởi sự sanh tử của ông chứ? Cho nên ông không cần phải lo lắng đối với lời nói của ngoại đạo Mịch Đạo Ngư Xá Tử và những kẻ khác, rằng sau khi thân này chết đi thì sẽ hoàn toàn hoại diệt."

Khi nghe lời nói ấy, nhà vua tin nhận và biết rằng sau khi xả thân này sẽ chuyển sanh. Lúc ấy nhà vua cùng với các đại chúng vui mừng hơn

hở và được điều chưa từng có.

Bấy giờ ngài Khánh Hỷ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay đánh lễ Phật, quỳ hai gối và thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu thị giác và thính giác đều không sanh diệt, vậy thì tại sao Thế Tôn lại nói rằng chúng con đã đánh mất chân tánh của mình và làm những việc điên đảo? Kính mong Thế Tôn hãy khởi lòng từ bi mà tẩy trừ trần cấu của chúng con."

Lúc bấy giờ Như Lai rũ cánh tay sắc vàng và làm cho những ngón tay có hình bánh xe hướng xuống, rồi bảo ngài Khánh Hỷ rằng:

"Ông vừa mới thấy Ta làm thành thủ ấn. Nó đang đảo ngược hay thẳng đứng?"

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"[Thưa Thế Tôn!] Chúng sanh ở thế gian sẽ cho đó là đảo ngược. Riêng con không biết cái gì là đảo ngược và cái gì là thẳng đứng."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Nếu người thế gian cho đó là đảo ngược, thế thì cái gì mà người thế gian sẽ cho là thẳng đứng?"

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"Dạ, họ sẽ gọi là thẳng đứng nếu Như Lai dựng đứng cánh tay mềm mại như bông gòn và những ngón tay chỉ thẳng lên không trung."

Đức Phật liền dựng đứng cánh tay của Ngài và bảo Tôn giả Khánh Hỷ rằng:

"Một khi những người thế gian nhìn thấy đầu đuôi thay đổi lẫn nhau, họ sẽ mê loạn. Cũng như vậy, phải biết rằng, nếu thân của ông so với Pháp thân thanh tịnh của chư Như Lai, thì như so sánh thân Chánh Biến Tri của Như Lai đối với thân điên đảo của các ông vậy. Ông hãy quán sát tường tận, nếu thân ông so với thân Phật thì gọi là điên đảo, nhưng chính xác thì tánh điên đảo tìm thấy ở chỗ nào?"

Đến đây ngài Khánh Hỷ và các đại chúng đều trơ mắt nhìn Phật và mắt không hề nháy. Họ chẳng biết tánh điên đảo ở chỗ nào trong thân và tâm.

Bấy giờ Đức Phật khởi lòng từ bi mà thương xót ngài Khánh Hỷ cùng các đại chúng.

Với âm thanh như hải triều, Đức Phật bảo khắp chúng hội rằng:

"Các thiện nam tử! Ta thường nói rằng, tất cả sắc pháp, tâm pháp, pháp thuộc của tâm, và những pháp khác đều do các duyên khởi sanh. Hết thảy pháp nương nơi duyên chỉ là sự biến hiện của tâm. Thân ông và tâm ông đều hiện ở trong tâm nhiệm mầu, chân thật vi diệu và tinh khiết trong sáng. Tại sao các ông lại đánh mất bốn nguyên nhiệm mầu, vi diệu minh tâm, và bảo minh diệu tánh, rồi nhận mê lầm ở trong giác

ngộ?

Tinh thần hắc ám tạo thành rỗng không hôn muội. Cái rỗng không hôn muội này ở trong hắc ám kết hợp với tối tăm mà hình thành sắc. Sắc tạp loạn với vọng tưởng mà tạo thành thân. Duyên hội tụ bên trong dao động thân này và hướng sự chú ý ra ngoài. Chúng sanh cho rằng tướng của sự hôn ám nhiễu loạn này là tánh của tâm. Một khi mê lầm cho nó là tâm, chúng sanh chắc chắn bị mê hoặc và cho rằng tâm ở trong sắc thân.

Họ không biết rằng, sắc thân và tất cả mọi vật ở ngoài thân--như là sông, núi, hư không, và đại địa--đều bao hàm ở trong diệu minh chân tâm. Họ chỉ nhận biết một bọt nước mà bỏ quên cả đại dương mênh mông lắng trong. Họ thấy bọt nước kia trôi ở đó và nghĩ rằng nó là toàn bộ nước thủy triều đang đẩy về những nơi tận cùng của biển. Các ông ở trong mê muội lại càng si mê. Đây tựa như sự điên đảo khi Ta rũ tay xuống--không chút sai khác. Bởi vậy Như Lai mới nói rằng các ông thật đáng thương."

---

Nghe được lời dạy bảo thâm sâu và từ bi cứu độ của Phật, ngài Khánh Hỷ rơi lệ, chấp tay và thưa với Phật rằng:

"Khi nghe được âm thanh vi diệu của Phật, con ngộ rằng tâm trong sáng nhiệm màu của con là bốn nguyên viên mãn và thường trụ tâm địa. Nhưng nếu với lòng thành khẩn chiêm ngưỡng mà con giác ngộ qua Pháp âm tuyên thuyết của Phật, thì tức là con đang dùng tâm



duyên. Đạt được tâm này, con không dám cảm nhận là bốn nguyên tâm địa. Kính mong Đức Phật thương xót mà tuyên giảng khai thị với âm thanh viên mãn để bạt trừ gốc nghi của con và dẫn về Đạo vô thượng."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Các ông vẫn còn dùng tâm duyên để nghe Pháp. Do bởi Pháp cũng trở thành duyên nên các ông không ngộ Pháp tánh. Đây ví như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng để cho kẻ khác thấy. Kẻ kia do nhờ ngón tay chỉ đến mà thấy được mặt trăng. Nhưng nếu họ lại nhìn ngón tay rồi cho đó là mặt trăng, chẳng những không thấy mặt trăng mà còn nhầm lẫn ngón tay của người kia.

Vì sao thế? Bởi kẻ đó cho ngón tay là mặt trăng trong sáng vậy. Không những họ nhận lầm ngón tay mà lại còn chẳng phân biệt đâu là sáng và đâu là tối.

Vì sao thế? Bởi họ cho ngón tay là tánh trong sáng của mặt trăng và hoàn toàn chẳng hiểu tánh của sáng hay tánh của tối.

Ông thì cũng như vậy.

Nếu cho rằng sự phân biệt Pháp âm của Ta nói là tâm của ông, thì cái tâm này phải tự có tánh phân biệt riêng và tách khỏi sự phân biệt của âm thanh. Đây ví như có một du khách nghỉ đêm ở quán trọ. Họ tạm dừng nghỉ rồi lên đường và không trú mãi. Trái lại chủ quán thì sẽ không đi đâu hết, bởi là người chủ của quán trọ vậy.

Cũng tương tự như thế, nếu đó là chân tâm của ông thì nó sẽ không đi đâu hết. Vậy sao khi tách khỏi âm thanh thì nó không có tánh phân biệt chứ? Do đó, chẳng những tâm phân biệt âm thanh của Ta, mà nó cũng phân biệt dung mạo của Ta. Nó không có tánh phân biệt nếu lìa khỏi các sắc tướng. Như thế cho dù những sự phân biệt dừng hẳn, một cảnh giới phi sắc phi không mà ngoại đạo Mịch Đạo Ngưu Xá Tử và những kẻ khác gọi là minh đế, thì nó cũng không có tánh phân biệt nếu lìa khỏi các cảnh duyên. Nếu mỗi trạng thái não bộ của ông đều có chỗ trả về thì làm sao gọi là chủ được chứ?"

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"[Thưa Thế Tôn!] Nếu mỗi trạng thái não bộ của con đều có chỗ trả về, thế thì tại sao diệu minh nguyên tâm của Như Lai nói đến không có chỗ trả về? Kính mong Như Lai rủ lòng thương xót mà tuyên nói cho con."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Như ông đang thấy Ta với thị giác trong sáng, tinh khiết, và bốn nguyên, thì nó không phải là diệu minh chân tâm. Tuy nhiên, nó có thể được ví như một mặt trăng thứ hai mà không phải là bóng của mặt trăng. Ông hãy lắng nghe. Ta nay sẽ chỉ cho ông về cái mà không chỗ trả về."

Này Khánh Hỷ! Đại giảng đường này mở rộng về hướng đông. Cho nên khi mặt trời mọc, khắp giảng đường đều có ánh sáng rực rỡ. Nhưng

nếu ở giữa đêm không một ánh trăng, hoặc bầu trời bị mây hay sương mù che mờ, thì giáng đường sẽ tối tăm. Ai đó có thể thấy xuyên qua các lỗ hổng của cánh cửa hay cửa sổ, nhưng bức tường và mái che thì vẫn bị ngăn khuất. Ở nơi đâu mà cảnh vật có sự phân biệt thì sẽ thấy các duyên. Nhưng nếu hoàn toàn trống rỗng thì chỉ thấy hư không. Ở nơi đâu có bụi bặm, cảnh vật sẽ bị lu mờ. Một khi trời quang đãng thì không khí trong lành và lại thấy mọi thứ rõ ràng.

Này Khánh Hỷ! Ông đều đã nhìn thấy các tướng biến hóa đó. Ta nay sẽ chỉ ông mỗi thứ đều có bốn nhân để trả về. Cái gì là bốn nhân?

Này Khánh Hỷ! Những sự biến hóa này, ánh sáng trả về mặt trời.

Vì sao thế? Bởi sẽ không có ánh sáng nếu không có mặt trời, và nhân do ánh sáng từ mặt trời nên nó trả về mặt trời. Đen tối trả về đêm không trăng. Các lỗ hổng trả về cánh cửa và cửa sổ. Sự ngăn khuất trả về bức tường và mái che. Các duyên trả về phân biệt. Trống rỗng trả về hư không. Lu mờ trả về bụi bặm. Trong sáng trả về trời quang đãng. Không một thứ gì ở thế gian mà vượt ra khỏi những loại này.

Bây giờ, khi thị giác trong sáng và tinh khiết của ông đối diện với tám loại trên thì nó sẽ trả về đâu?

Vì sao thế? Bởi nếu trả về ánh sáng thì sẽ chẳng còn thấy đen tối khi không có ánh sáng. Mặc dù ánh sáng, đen tối, và những thứ khác có muôn sự sai khác nhưng thị giác thì vẫn không sai khác. Những thứ gì mà có thể trả về thì hiển nhiên chẳng phải ông. Nhưng cái gì mà không thể trả về nơi đâu, nếu chẳng phải ông thì là ai? Cho nên phải biết

rằng, tâm của ông vốn nhiệm màu, thanh tịnh và trong sáng. Ông chỉ tự mê muội và đánh mất bốn nguyên, nên phải chịu luân hồi và luôn bị chìm nổi ở trong sanh tử. Bởi vậy Như Lai mới nói rằng các ông thật đáng thương."

---

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"[Thưa Thế Tôn!] Tuy con nhận biết rằng, tánh của thị giác không có chỗ trả về. Nhưng làm sao con biết được đó là chân tánh của con?"

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Ta nay lại hỏi ông. Tuy hiện tại chưa được thanh tịnh vô lậu, nhưng nương thần lực của Phật, ông có thể thấy đến tận các cõi trời của cảnh thiên thứ nhất mà không bị chướng ngại. Còn Bhikṣu Vô Diệt thấy châu Thắng Kim như nhìn trái xoài trong lòng bàn tay. Chư Bồ-tát có thể thấy trăm ngàn thế giới; không một quốc độ thanh tịnh nào của mười phương Như Lai, nhiều như số tận cùng của những hạt vi trần, mà họ chẳng nhìn thấy. Tuy nhiên, chúng sanh thì không thể nhìn rõ như thế, dù chỉ một phần của một tấc.

Này Khánh Hỷ! Hiện tại ông và Ta có thể thấy các cung điện của Bốn Vị Thiên Vương đang cư trú. Khoảng giữa từ đây đến đó, chúng ta thấy muôn loại hình tượng, hoặc ở trong sáng hay ở trong tối, đang di chuyển trên đất, trong nước, hay giữa không trung; chẳng một thứ gì mà không phải trần cảnh, là kết quả chướng ngại từ sự phân biệt. Ông

nên phân biệt những thứ đó, cái nào là ông và cái nào chẳng phải ông. Bây giờ Ta hỏi ông hãy tuyển chọn ở trong thị giác, cái gì là thể của ông và cái gì là cảnh tượng.

Này Khánh Hỷ! Cho dù ông dùng hết thị lực, xa tận đến Cung điện Mặt Trời và Cung điện Mặt Trăng, thì những cảnh vật đó đều không phải ông. Thậm chí ông quan sát kỹ càng xa tận đến bảy vòng núi vàng, mọi thứ ông thấy và cho đến muôn loại ánh sáng, thì cũng chỉ là những cảnh vật và chúng đều không phải ông. Lần lượt ông hãy quan sát mây trôi, chim bay, gió thổi, bụi bốc lên, cây cối, sông núi, hoa cỏ, loài người, và động vật. Tất cả cảnh vật đều chẳng phải ông.

Này Khánh Hỷ! Những cảnh vật này, dù gần hay xa, đều có tánh sai khác đặc thù, nhưng tất cả đồng thấy ở trong thị giác thanh tịnh và tinh khiết của ông. Tuy mỗi loại cảnh vật đều có sai khác, nhưng ở trong thị giác thì không có đặc thù. Cái nhiệm màu, trong sáng và tinh khiết này thật sự là thị giác của ông.

Nếu thị giác là một vật thì ông cũng có thể thấy thị giác của Ta. Nếu bảo rằng ông thấy thị giác của Ta khi chúng ta đồng nhìn vào một nơi giống nhau. Nhưng khi Ta không còn nhìn vào nơi đó, vậy ông có còn thấy thị giác của Ta chẳng? Cho dù ông có thể thấy thị giác của Ta khi chúng ta đồng nhìn vào một nơi giống nhau, nhưng hiển nhiên ông sẽ chẳng thể thấy thị giác của Ta khi Ta nhìn sang nơi khác. Do bởi ông chẳng thể thấy thị giác của Ta khi Ta nhìn sang nơi khác, chắc chắn rằng thị giác của Ta không phải là một vật. Cho nên làm sao có thể nói rằng, thị giác của ông mà chẳng phải là ông?

Nếu không phải là như thế, vậy khi ông thấy cảnh vật, cảnh vật cũng sẽ thấy ông. Nếu thị giác và cảnh vật hỗn tạp như thế, thì Ta và ông cùng mọi thứ khác trên thế gian sẽ chẳng thể phân định rõ ràng.

Này Khánh Hỷ! Khi ông nhận biết điều gì, đó là ông chứ chẳng phải Ta. Thị giác của ông trùm khắp. Nếu nó không phải của ông thì là của ai? Tại sao ông tự nghi ngờ chân tánh của chính mình và chẳng tiếp nhận nó là chân, rồi lại đến hỏi Ta cái gì là thật chứ?"

---

Ngài Khánh Hỷ thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu như thị giác này thật sự là của con mà chẳng phải của ai khác, vậy khi con và Như Lai nhìn các cung điện báu thù thắng của Bốn Vị Thiên Vương, tiếp đến Cung điện Mặt Trời và Cung điện Mặt Trăng, rồi thị giác của con trải rộng và trùm khắp Thế giới Kham Nhẫn. Tuy nhiên, khi nhìn trở lại tinh xá, con chỉ thấy giảng đường thanh tịnh ở trung tâm tự viện mà không thể nhìn xuyên qua tường vách và mái che.

Thưa Thế Tôn! Thị giác này của con là như thế. Trước tiên nó trùm khắp một thế giới, rồi bây giờ nó chỉ vừa khít ở trong căn phòng này. Có phải thị giác của con từ lớn thu nhỏ lại, hay là nó bị chia cắt bởi tường vách và mái che? Con nay chẳng biết lập luận nào ở trên là đúng. Kính mong Thế Tôn rủ lòng từ bi mà diễn giải cho con."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Hết thảy vạn vật trên thế gian--dù lớn hay bé, ở trong hay ngoài--tất cả đều thuộc về trần cảnh. Ông không nên nói rằng thị giác của mình có mở lớn hay thu nhỏ.

Đây ví như khi ông nhìn khoảng trống ở trong một hộp vuông. Ta nay lại hỏi ông. Khoảng trống mà ông nhìn thấy ở trong hộp vuông này là hình vuông cố định hay chẳng phải là hình vuông cố định? Nếu nó là hình vuông cố định thì khi bỏ vào một hộp tròn, nó sẽ không trở thành hình tròn. Ngược lại, nếu nó là bất định, thì sẽ không thể có một khoảng trống hình vuông ở trong hộp vuông.

Ông nói rằng ông chẳng biết lập luận nào của ông ở trên là đúng. Những gì ông nói về tánh của thị giác thì có thể so sánh với những gì Ta nói về khoảng trống ở trong hộp vuông vậy. Sự thật thì khoảng trống và thị giác đều chẳng có một vị trí.

Này Khánh Hỷ! Nếu lại muốn khoảng trống ở trong hộp chẳng vuông hay tròn, ông chỉ cần loại bỏ cái hộp và sẽ thấy bản thể của hư không chẳng có hình dáng. Ông chớ nên nói rằng, khi cái hộp đã chẳng còn mà ông vẫn có thể trừ bỏ hình dáng của khoảng trống trong hộp.

Nếu như cho rằng thị giác của ông thu nhỏ khi vào trong một căn phòng, thế thì tại sao khi ông ngược lên nhìn mặt trời, thị giác của ông chẳng mở lớn cho đến khi ngang bằng với bề mặt của mặt trời.

Lại nữa, nếu tường vách và mái che có thể chia cắt thị giác của ông, thế thì tại sao khi khoét một lỗ nhỏ ở bức tường mà chẳng thấy bất cứ

dấu tích kết nối gì? Do đó, các lập luận của ông đều chẳng đúng.

Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay đã mê lầm chính mình với những gì nhận biết. Họ đánh mất bốn tâm và bị trần cảnh lay chuyển. Cho nên ở trong đó mà họ tính xem thị giác là lớn hay nhỏ. Tuy nhiên, nếu có thể chuyển trần cảnh thì họ tức đồng Như Lai, thân tâm bất động, viên mãn trong sáng, và trở thành nơi giác ngộ. Bấy giờ, chỉ ở trên một đầu sợi lông mà có thể bao hàm tất cả quốc độ khắp mười phương."

---

Ngài Khánh Hỷ thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu thị giác này thật sự là diệu tánh của con, thì bây giờ diệu tánh này phải hiện ra ở trước con. Hơn nữa, nếu thị giác thật sự là chân tánh của con, vậy thì thân và tâm hiện tại của con lại là vật gì? Nhưng bây giờ thân và tâm của con đều thật sự có phân biệt, còn thị giác của con thì không có sự phân biệt và chẳng nhận biết thân con.

Nếu thị giác thật sự là tâm con và làm cho con bây giờ thấy được, thế thì tánh của thị giác đích thật là con, mà thân thể chẳng phải là con vậy. Làm sao việc này khác với lời phản đối trước đây của Như Lai, rằng cảnh vật lẽ ra cũng có thể thấy con? Kính mong Thế Tôn rủ lòng đại từ mà khai thị cho những kẻ chưa giác ngộ."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:



"Điều ông vừa nói, rằng thị giác ở trước ông, là không đúng. Nếu nó thật sự ở trước mặt, ông chắc chắn sẽ thấy. Ở trong trường hợp đó, thị giác của ông sẽ có một vị trí và dễ dàng chỉ ra.

Như hiện tại ông và Ta đang ngồi ở trong Rừng cây Chiến Thắng, chúng ta có thể thấy Pháp đường, cây cối, kênh rạch, xa xa ở phía trước là sông Hằng, và cho đến mặt trời mặt trăng ở trên cao. Nay ông ở trước tòa sư tử của Ta, có thể đưa tay chỉ ra muôn loại sự vật, như là bóng cây, ánh sáng mặt trời, bức tường ngăn che, hư không thông suốt, cho đến cỏ cây to lớn hoặc nhỏ bé như đường tơ kẽ tóc. Tuy chúng có đặc điểm riêng, nhưng miễn là có thể nhìn thấy thì ông đều có thể chỉ ra hết.

Nếu thị giác của ông thật sự ở trước mặt, vậy khi ông dùng tay chỉ ra các vật thì lẽ ra cũng sẽ thấy được nó chứ.

Này Khánh Hỷ! Nên biết rằng, nếu thị giác của ông đồng như hư không, thì làm sao hư không còn gọi là hư không chứ? Nếu các vật đồng như thị giác của ông, thì làm sao chúng còn gọi là vật chứ? Ông có thể nào phân tích tỉ mỉ và vạch ra bốn nguyên tịnh diệu, trong sáng và tinh khiết của thị giác chẳng? Tương tự như phương thức đã chỉ ra các vật rõ ràng và không nhầm lẫn, ông có thể nào chỉ ra nó cho Ta thấy chẳng?"

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Hiện tại con đang ở trong Giảng đường Trùng Các này, có thể nhìn xa đến tận sông Hằng và mặt trời mặt trăng ở trên cao.

Con cũng có thể đưa tay chỉ ra mọi thứ mà mắt con thấy. Tất cả chúng đều là cảnh vật; không một thứ nào là thị giác của con hết.

Thưa Thế Tôn! Đúng như lời Phật dạy. Không chỉ riêng con đang ở bậc hữu lậu, mà những vị Thanh Văn sơ học, và cho đến Bồ-tát, cũng không thể phân tích vạn vật và chỉ ra một thị giác với tự tánh riêng của nó mà lìa khỏi tất cả cảnh vật."

Đức Phật bảo:

"Như thị, như thị!"

Đức Phật lại bảo ngài Khánh Hỷ:

"Đúng như lời ông nói. Nếu lìa khỏi tất cả cảnh vật thì sẽ không có một thị giác với tự tánh riêng biệt. Do đó hết thấy sự vật mà ông có thể chỉ ra đều không phải là thị giác.

Ta nay sẽ giải thích thêm một lần nữa cho ông. Như ông và Như Lai đang ngồi ở trong Rừng cây Chiến Thắng, hãy nhìn thêm một lần nữa nơi cây cối, khu vườn, và cho đến mặt trời mặt trăng. Tuy chúng có muôn loại hình tượng khác nhau, nhưng không một vật nào mà ông chỉ ra là thị giác của ông hết. Ông hãy tiếp tục nghiên cứu, có cái nào ở trong những vật này mà tách rời khỏi thị giác của ông chẳng?"

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"[Thưa Thế Tôn!] Con thật sự đã nhìn khắp Rừng cây Chiến Thắng này

và không nghĩ rằng có bất cứ vật nào ở trong đó mà tách rời khỏi thị giác của con.

Vì sao thế? Bởi nếu cây cối tách rời khỏi thị giác của con, thì làm sao gọi là nhìn thấy cây cối? Nhưng nếu cây cối đồng như thị giác của con, thì làm sao chúng còn gọi là cây cối chứ? Cũng tương tự như thế, nếu hư không tách rời khỏi thị giác của con, thì làm sao gọi là nhìn thấy hư không? Nhưng nếu hư không đồng như thị giác của con, thì làm sao nó còn gọi là hư không chứ? Sau khi tư duy thêm một lần nữa ở trong muôn vạn cảnh tượng, con nhận ra rằng, cho dù vật cực nhỏ đi nữa thì cũng không tách rời khỏi thị giác của con."

Đức Phật bảo:

"Như thị, như thị!"

Khi nghe lời này của Phật, những vị chưa đạt đến bậc Vô Học ở trong đại chúng đều mê muội và chẳng biết về ý nghĩa cứu cánh đó. Họ thấy đều hoảng sợ và đánh mất những điều ôm giữ.

Biết được tinh thần lo âu và hoảng hốt của họ, Như Lai khởi lòng thương xót mà an ủi ngài Khánh Hỷ và các đại chúng rằng:

"Các thiện nam tử! Đây là lời chân thật của vô thượng Pháp Vương. Như Lai chỉ nói lời thật, không điêu ngoa, không dối gạt. Những gì Như Lai tuyên nói cho các ông, khác biệt với luận nghị mơ hồ về bốn loại bất tử mà ngoại đạo Mịch Đạo Ngưu Xá Tử và những kẻ khác đưa ra. Các ông hãy tư duy kỹ và tha thiết quý mến để xứng đáng sự thương

xót của Ta."

Lúc bấy giờ Diệu Cát Tường Pháp Vương Tử đang ở giữa đại chúng, vì xót thương bốn chúng đệ tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi đánh lễ với trán chạm sát chân của Phật, chắp tay cung kính và thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nay các đại chúng đều chẳng hiểu về hai điều mà Như Lai hé lộ. Đó là thị giác tinh khiết cùng với những vật có hình sắc và hư không, là tương đồng và chẳng tương đồng.

Thưa Thế Tôn! Nếu thị giác đồng như các duyên ở trước ta, như là hư không và những vật có hình sắc, thì chúng ta đáng lẽ có thể chỉ ra vị trí của nó. Nhưng nếu thị giác tách rời khỏi cảnh duyên, chúng ta sẽ không thể quan sát sự vật. Hiện tại các đại chúng đều kinh hãi, do chẳng biết ý nghĩa này sẽ về đâu. Đây tuyệt đối không phải là căn lành ở đời trước của họ cạn mỏng. Kính mong Như Lai rủ lòng đại từ mà hiển lộ chân thật giữa các cảnh tượng được thấy với thị giác tinh khiết, và tại sao lại nói rằng thị giác chẳng phải tương đồng hay chẳng phải không tương đồng đối với cảnh vật quan sát."

Phật bảo ngài Diệu Cát Tường và các đại chúng:

"Đối với mười phương Như Lai và chư đại Bồ-tát trụ ở trong chánh định, thì thị giác và các duyên của thấy cùng với những pháp thuộc của tâm, tựa như hoa đốm giữa hư không và bốn nguyên không chỗ có. Thị giác này và các duyên vốn là tuệ giác vi diệu, tánh tịnh minh thể. Thế thì làm sao ở trong giác ngộ mà có phải hay chẳng phải?"

Này Diệu Cát Tường! Ta nay hỏi ông. Như ông là Diệu Cát Tường thì có chỗ nào là Diệu Cát Tường hay không phải Diệu Cát Tường chẳng?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn! Con đơn giản chỉ là Diệu Cát Tường, không một chỗ nào là chẳng phải Diệu Cát Tường.

Vì sao thế? Bởi nếu có chỗ nào thì sẽ có hai Diệu Cát Tường, nhưng bây giờ không phải con chẳng phải là Diệu Cát Tường. Thật sự thì không có tướng của phải hay chẳng phải."

Đức Phật bảo:

"Thị giác vi diệu trong sáng này, cùng với hư không và trần cảnh cũng lại như thế. Chúng vốn là từ chân tâm của tuệ giác vi diệu, trong sáng vô thượng, và thanh tịnh viên mãn. Là một sự nhầm lẫn nếu xem những vật có hình sắc, hư không, thính giác, thị giác, hay những giác quan khác là riêng rẽ. Như ở trong thí dụ về một mặt trăng thứ hai, cái nào là mặt trăng và cái nào chẳng phải mặt trăng?"

Này Diệu Cát Tường! Thật sự chỉ có một mặt trăng. Chúng ta không thể nói rằng đó là mặt trăng, còn kia chẳng phải mặt trăng. Do bởi ông nay xem xét thị giác với trần cảnh nên muôn thứ khởi lên. Đó gọi là vọng tưởng. Và ông chẳng thể ở trong ấy mà thoát khỏi chấp trước phải hay chẳng phải. Duy chỉ từ trong chân tánh trong sáng và diệu giác tinh khiết thì mới có thể khiến ông lìa khỏi chấp trước phải hay chẳng phải."

---

Ngài Khánh Hỷ thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Thật đúng như lời của Pháp Vương về tánh giác ngộ duyên khắp các thế giới trong mười phương, nhưng nó vẫn trạm nhiên thường trụ, thể tánh chẳng sanh hay diệt. Nếu vậy thì lời Phật dạy khác biệt như thế nào đối với luận thuyết minh đế của Phạm chí Hoàng Phát, hoặc phái ngoại đạo bôi tro lên thân hay những phái ngoại đạo khác nói rằng, có chân ngã biến khắp mười phương?"

Thế Tôn cũng từng ở trên núi Bảo Danh diễn giải nghĩa này cho Đại Tuệ Bồ-tát và những vị khác rằng:

'Các ngoại đạo luôn nói về tự nhiên. Còn Ta nói về nhân duyên; đây không phải là cảnh giới của họ.'

Nhưng nay theo con thấy thì tánh giác ngộ là tự nhiên, không sanh không diệt, lìa xa tất cả hư vọng điên đảo, dường như chẳng sanh từ nhân duyên và nó tự nhiên. Con chỉ mong Đức Phật khai thị để không rơi vào tà đạo và được tâm chân thật với diệu giác minh tánh."

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Như Ta vừa mới dùng phương tiện mà khai thị điều chân thật cho ông. Tuy nhiên ông vẫn chưa khai ngộ và nhầm lẫn rằng tánh giác ngộ là tự nhiên."

Này Khánh Hỷ! Nếu tánh giác ngộ đích thật là tự nhiên thì ông lẽ ra phải có thể phân biệt được thể chất của tự nhiên. Giờ ông hãy quán sát ở trong thị giác nhiệm màu trong sáng này. Nó dùng cái gì để làm tự thể? Thị giác này dùng ánh sáng để làm tự thể, dùng đen tối để làm tự thể, dùng hư không để làm tự thể, hay dùng ngăn che để làm tự thể chẳng?

Này Khánh Hỷ! Nếu nó dùng ánh sáng để làm tự thể thì ông sẽ không thể thấy đen tối. Nếu nó dùng hư không để làm tự thể thì ông sẽ không thể thấy ngăn che. Tương tự như thế, nếu nó dùng tướng đen tối để làm tự thể thì tánh của thị giác sẽ đoạn diệt khi ánh sáng rọi đến. Vậy thì làm sao ông có thể thấy ánh sáng chứ?"

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"[Thưa Thế Tôn!] Nếu là thế, tánh của thị giác này chắc chắn không phải tự nhiên. Con bây giờ khởi nghĩ rằng nó sanh bởi nhân duyên. Tuy nhiên tâm con vẫn chưa hiểu rõ. Kính hỏi Như Lai làm sao nghĩa này khế hợp với lời dạy của Phật về tánh nhân duyên?"

Đức Phật bảo:

"Ông nói rằng nó sanh bởi nhân duyên. Ta lại hỏi ông. Nay ông nhân bởi gì mà nhận biết thị giác hiện tiền? Sự nhận biết này có phải nhân bởi ánh sáng mà thấy chẳng? Có phải nhân bởi đen tối mà thấy chẳng? Có phải nhân bởi hư không mà thấy chẳng? Có phải nhân bởi ngăn che mà thấy chẳng?"

Này Khánh Hỷ! Nếu sự nhận biết nhân bởi ánh sáng thì lẽ ra ông sẽ không thấy đen tối. Nếu sự nhận biết nhân bởi đen tối thì lẽ ra ông sẽ không thấy ánh sáng. Tương tự như thế, nếu nhân bởi hư không hay ngăn che thì đồng như nhân của ánh sáng và đen tối.

Lại nữa, Khánh Hỷ! Sự nhận biết này có phải duyên bởi ánh sáng mà thấy chẳng? Có phải duyên bởi đen tối mà thấy chẳng? Có phải duyên bởi hư không mà thấy chẳng? Có phải duyên bởi ngăn che mà thấy chẳng?

Này Khánh Hỷ! Nếu sự nhận biết duyên bởi hư không thì lẽ ra ông sẽ không thấy ngăn che. Nếu sự nhận biết duyên bởi ngăn che thì lẽ ra ông sẽ không thấy hư không. Tương tự như thế, nếu duyên bởi ánh sáng hay đen tối thì đồng như duyên của hư không và ngăn che.

Cho nên phải biết rằng, sự hiện hữu của thị giác nhiệm màu với trong sáng tinh khiết, thì không lệ thuộc vào nhân hay duyên, cũng chẳng phải tự nhiên hay chẳng phải không tự nhiên. Sự hiện hữu của nó không thể phủ định, nhưng đồng thời cũng chẳng thể nói rằng nó không thể phủ định. Sự hiện hữu của nó không thể xác định, nhưng đồng thời cũng chẳng thể nói rằng nó không thể xác định. Là khỏi tất cả tướng tức là tất cả pháp.

Nay ông làm sao có được sự phân biệt ở trong các pháp khi lại dùng tâm ý dựa trên danh tướng và những hí luận của thế gian? Đó cũng như dùng nắm tay bắt lấy hư không--chỉ tự chuốc nhục nhằn. Làm sao ông có thể bắt lấy hư không chứ?"



---

Ngài Khánh Hỷ thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu tánh diệu giác chắc chắn không lệ thuộc vào nhân hay duyên, vậy thì tại sao Thế Tôn thường tuyên giảng cho các vị Bhikṣu rằng, thị giác phải cần đủ bốn loại duyên. Đó là hư không, ánh sáng, tâm, và căn mắt. Nghĩa lý này là sao?"

Đức Phật bảo:

"Này Khánh Hỷ! Ta nói về các tướng nhân duyên vận hành trong thế gian, đó không phải là Chân Lý Cứu Cánh.

Này Khánh Hỷ! Ta lại hỏi ông. Khi những người ở thế gian nói rằng tôi có thể thấy. Sao gọi là thấy? Sao gọi là không thấy?"

Ngài Khánh Hỷ thưa rằng:

"[Thưa Thế Tôn!] Nhân bởi ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hay ngọn đèn mà người ở thế gian thấy đủ mọi hình tướng. Đó gọi là thấy. Nếu chẳng có ba loại ánh sáng này thì họ sẽ không thể thấy."

"Này Khánh Hỷ! Nếu gọi là không thấy khi chẳng có ánh sáng, thì lẽ ra họ cũng không thấy đen tối. Nếu thật sự thấy đen tối dù chẳng có ánh sáng, thì làm sao gọi là không thấy?"

Này Khánh Hỷ! Nếu khi ở nơi tối, do họ chẳng thấy ánh sáng nên gọi là

không thấy. Bây giờ khi ở nơi sáng và họ chẳng thấy tướng của đen tối, thì cũng nên gọi là không thấy. Như vậy cả hai trường hợp đều gọi là không thấy.

Cho dù ánh sáng và đen tối luân phiên hiện hữu, thì thị giác của ông vẫn không tạm dừng nghỉ. Như vậy phải biết rằng, cả hai trường hợp đều gọi là thấy. Thế thì làm sao ông bảo là không thấy chứ?

Cho nên, Khánh Hỷ! Ông nay phải biết rằng, khi ai đó thấy ánh sáng, sự nhận biết của họ hiện hữu không phải vì ánh sáng. Khi ai đó thấy đen tối, sự nhận biết của họ hiện hữu không phải vì đen tối. Khi ai đó thấy hư không, sự nhận biết của họ hiện hữu không phải vì hư không. Khi ai đó thấy ngăn che, sự nhận biết của họ hiện hữu không phải vì ngăn che. Nên biết sự hiện hữu của thị giác đều chẳng phải bốn trường hợp trên.

Ông cũng nên biết rằng, khi dùng chân giác để nhận biết thị giác của ông, chân giác thì chẳng giống thị giác. Cả hai tách rời lẫn nhau. Thị giác thì không bằng chân giác. Làm sao ông lại có thể nói về nhân duyên, tự nhiên, và tướng hòa hợp chứ? Hàng Thanh Văn các ông kém cỏi chẳng biết và chẳng thể thông đạt thật tướng của thanh tịnh. Nay Ta sẽ dạy bảo thêm cho ông. Hãy khéo tư duy và chớ mệt mỏi hay chểnh mảng trên con đường đến tuệ giác vi diệu."

---

Ngài Khánh Hỷ thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Tuy Đức Phật Thế Tôn đã tuyên nói về nhân duyên, tự nhiên, cùng các tướng hòa hợp và chẳng hòa hợp cho chúng con, nhưng tâm con vẫn chưa khai ngộ. Bây giờ khi lại nghe về cái thấy của thị giác chẳng phải là chân giác, thì chúng con càng thêm mê muội. Kính mong Như Lai với lòng đại từ mà ban thí con mắt đại trí tuệ và khai thị cho chúng con để hiểu rõ tâm trong sáng thanh tịnh."

Khi nói lời ấy xong, ngài rơi lệ bi ai, rồi đánh lễ, và chờ đợi để tiếp thọ thánh chỉ. Lúc bấy giờ Thế Tôn thương xót ngài Khánh Hỷ cùng các đại chúng, và muốn diễn giải con đường vi diệu của tu hành để dẫn họ đến tất cả chánh định của Đại Tổng Trì.

Phật bảo ngài Khánh Hỷ rằng:

"Tuy ông có trí nhớ sắc bén, nhưng việc đó chỉ lợi ích đa văn. Còn đối với quán chiếu vi tế ẩn mật của tu Chỉ, tâm ông vẫn chưa liễu đạt. Ông nay hãy lắng nghe. Ta sẽ phân biệt khai thị và cũng khiến những hành giả hữu lậu ở tương lai đắc Đạo Quả.

Này Khánh Hỷ! Hết thảy chúng sanh luân hồi trong thế gian đều là do phân biệt vọng kiến từ hai loại điên đảo. Khi hai cái thấy sai lệch này khởi sanh, chúng sanh phải luân chuyển theo nghiệp. Hai thứ vọng kiến này là gì?

1. chúng sanh biệt nghiệp vọng kiến
2. chúng sanh đồng phần vọng kiến

Sao gọi là biệt nghiệp vọng kiến?

Này Khánh Hỷ! Ví như con mắt bị quầng đỏ của người ở thế gian, khi nhìn vào ngọn đèn ở ban đêm, chỉ riêng họ thấy có những vòng tròn với ánh sáng năm màu chất chồng lên nhau. Ý ông nghĩ sao? Những vòng ánh sáng hiện ra ở xung quanh ngọn đèn vào ban đêm, là thuộc về ngọn đèn, hay là thuộc về thị giác của người kia?

Này Khánh Hỷ! Nếu là thuộc về ngọn đèn, thì tại sao người không có mắt bị nhắm lại chẳng thấy, mà các vòng ánh sáng này chỉ riêng người có mắt bị nhắm mới thấy?

Còn nếu là thuộc về thị giác của người kia, thì sự nhận biết của họ cũng đã trở thành màu sắc. Thế thì các vòng ánh sáng thấy được của người có mắt bị nhắm gọi là những gì?

Lại nữa, Khánh Hỷ! Nếu những vòng ánh sáng không thuộc về ngọn đèn, vậy khi người có mắt bị nhắm nhìn các vật xung quanh, như là bình phong, màn che, cái bàn, hay tấm chiếu, thì lẽ ra cũng có những vòng ánh sáng xuất hiện.

Còn nếu những vòng ánh sáng không thuộc về thị giác của người ấy, thì lẽ ra mắt của họ sẽ không nhìn thấy. Thế nhưng tại sao người có mắt bị nhắm lại thấy được những vòng ánh sáng kia chứ?

Cho nên phải biết rằng, tuy màu sắc thật sự ở tại ngọn đèn, nhưng do mắt bị nhắm nên mới có những vòng ánh sáng. Mặc dù những vòng ánh sáng và sự nhận biết của chúng là do mắt bị nhắm mà có, nhưng sự nhận biết của mắt nhắm không phải là bệnh. Nói tóm lại, ông không

thể nói rằng, những vòng ánh sáng thuộc về ngọn đèn, hay thuộc về thị giác của người kia. Nhưng đồng thời ông cũng không thể nói rằng, chúng chẳng thuộc về ngọn đèn, hay chẳng thuộc về thị giác của người kia. Tương tự như thí dụ về mặt trăng thứ hai, nó chẳng phải là mặt trăng thật mà cũng chẳng phải là bóng của mặt trăng thật.

Vì sao thế? Bởi khi lấy ngón tay ấn vào con mắt thì người đó sẽ thấy hai mặt trăng. Những ai có trí thì sẽ không bảo rằng, mặt trăng thứ hai do từ kết quả của ấn vào con mắt, là mặt trăng thật hay nó chẳng phải là mặt trăng thật, hoặc là thuộc về thị giác của người kia hay chẳng thuộc về thị giác của người kia.

Việc này cũng lại như thế; do mắt bị nhắm nên mới xuất hiện những vòng ánh sáng. Nay ông có thể nói rằng chúng chỉ thuộc về ngọn đèn, hoặc chỉ thuộc về thị giác của người kia chẳng? Chắc chắn là không. Hà huống là có thể phân biệt chúng chẳng thuộc về ngọn đèn hoặc chẳng thuộc về thị giác của người kia.

Sao gọi là đồng phần vọng kiến?

Này Khánh Hỷ! Ở châu Thăng Kim, ngoại trừ nước của biển lớn, trong ấy có 3.000 châu lục với một châu lục lớn nằm ở trung tâm. Từ đông sang tây của đại châu lục này trải rộng và có 2.300 nước lớn. Còn các tiểu châu lục nằm ở trong các biển, trong ấy hoặc có 200 hay 300 quốc gia, hoặc 1 hoặc 2, cho đến 30, 40, hay 50 quốc gia.

Này Khánh Hỷ! Nếu lại ở trong ấy có một tiểu châu lục với hai quốc gia, và duy chỉ nhân dân của một trong hai nước đồng cảm ứng duyên ác,

thì chúng sanh của quốc gia đó sẽ thấy những việc bất tường. Hoặc họ thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng. Hoặc nơi mặt trời và mặt trăng xuất hiện những vòng tròn hay nửa vòng tròn với màu trắng hay màu khác. Hoặc họ thấy thiên thạch hay sao chổi bay xẹt bầu trời. Hoặc bên cạnh hay ở trên mặt trời xuất hiện vầng năng lượng hình cung hay hình lỗ tai, hoặc những đường ánh sáng giữa bầu trời. Có muôn loại hiện tượng xấu như thế. Chỉ có chúng sanh ở trong nước đó thấy những hiện tượng này. Còn chúng sanh ở nước khác thì hoàn toàn không thấy và cũng chẳng hề nghe đến.

Này Khánh Hỷ! Ta nay sẽ so sánh hai sự việc này để làm sáng rõ cho ông.

Này Khánh Hỷ! Hãy xem xét về biệt nghiệp vọng kiến của những chúng sanh kia. Khi có ai với mắt bị nhắm thì nhìn thấy những vòng ánh sáng ở xung quanh ngọn đèn. Tuy có cảnh tượng như thế xuất hiện, nhưng thật sự những gì họ thấy là do bởi mắt bị nhắm. Bởi con mắt bị nhắm nên làm lao nhọc thị giác, chứ chẳng phải do những vòng ánh sáng tạo ra. Tuy nhiên, sự nhận biết của mắt bị nhắm thì vĩnh viễn không sai lầm. Tương tự như thế, tất cả những gì mắt của ông thấy bây giờ, như là núi sông, quốc thổ, và các chúng sanh, đều là căn bệnh đã tồn tại trong thị giác của ông từ vô thủy. Thị giác và các duyên của thấy dường như hiện ra cảnh tượng ở trước. Tuy bốn nguyên chân giác của ta trong sáng, nhưng thị giác và các duyên của thấy thì có sai lầm. Mặc dù sự nhận biết của thị giác có sai lầm, nhưng giác duyên của bốn giác minh tâm thì không sai lầm. Đó là chân giác, sự nhận biết của cái nhận biết sai lầm, thì không sai lầm. Nó thật sự là chân giác của nhận biết, và không nên nhầm lẫn với thị giác bình thường, thính giác, hay bất cứ

loại giác quan nào khác.

Đúc kết lại, thị giác của ông bây giờ cảm nhận Ta, chính bản thân mình và mười loại chúng sanh trong thế gian, đều là sự nhận biết sai lầm, không phải là sự nhận biết của cái nhận biết sai lầm. Tánh của thị giác tinh nguyên chân thật thì không sai lầm. Do đó nó chẳng phải là thị giác mà ta thường hay gọi.

Này Khánh Hỷ! Hãy xem xét về đồng phần vọng kiến của những chúng sanh kia, rồi so sánh nó với biệt nghiệp vọng kiến của một người có mắt bị bệnh. Tình cảnh giữa người có mắt bị bệnh đồng với chúng sanh ở trong nước kia. Người ấy thấy những vòng ánh sáng là do mắt nhắm hư vọng sanh ra. Còn những việc bất tường thấy bởi chúng sanh ở trong nước kia là do ác khí khởi sanh từ nghiệp chung của họ. Sự hình thành của biệt nghiệp và cộng nghiệp là do vọng kiến đã tồn tại từ vô thủy.

Mặc dù vậy, hết thảy chúng sanh hữu lậu cùng tất cả quốc độ trong mười phương, bao gồm Thế giới Kham Nhẫn với bốn biển lớn và 3.000 châu lục ở châu Thăng Kim, thảy đồng với tâm nhiệm màu vô lậu, trong sáng và giác liễu. Các duyên cần thiết để tất cả chúng khởi sanh đều là hư vọng, có bệnh trong thị giác, thính giác, và những giác quan khác. Khi các duyên hòa hợp này hiện hữu, chúng sanh và quốc độ hư vọng hình thành. Khi các duyên hòa hợp này không còn, chúng sanh và quốc độ hư vọng diệt mất.

Nếu ai có thể xa rời các duyên hòa hợp và không hòa hợp, họ tức sẽ diệt trừ tất cả nhân của sanh tử. Bây giờ, họ sẽ viên mãn tuệ giác,

chính là tánh không sanh không diệt, thanh tịnh bốn tâm và bốn giác thường trụ.

---

Này Khánh Hỷ! Tuy ông đã hiểu rằng tánh của thị giác nhiệm màu trong sáng và bốn nguyên giác liễu, chẳng khởi sanh từ nhân hay duyên và tánh của nó cũng chẳng phải tự nhiên. Nhưng ông còn chưa tỏ ngộ, rằng thị giác bốn nguyên giác liễu của ông cũng chẳng phải do hòa hợp hay không hòa hợp mà sanh.

Này Khánh Hỷ! Ta nay lại hỏi ông về những trần cảnh mà ông nhận biết ở trước mặt. Do ông bây giờ ôm giữ vọng tưởng hòa hợp với các tánh nhân duyên của mọi thứ trong thế gian, nên tự mình hoài nghi, rằng có phải tâm giác ngộ chứng đắc là do hòa chung khởi sanh chăng.

Cứ cho điều ông đang suy nghĩ là đúng. Vậy thị giác nhiệm màu thanh tịnh và tinh khiết của ông, là hòa chung với ánh sáng, là hòa chung với đen tối, là hòa chung với hư không, hay là hòa chung với ngăn che?

Nếu là hòa chung với ánh sáng, vậy khi ông nhìn vào ánh sáng hiện tiền đó thì nó hòa chung ở chỗ nào?

Nếu ông có thể phân biệt tướng của thị giác, thì nó có hình dáng ra sao ở trong sự hòa chung với ánh sáng?

Nếu không phải là thị giác thì làm sao ông thấy ánh sáng?



Nếu là thị giác thì làm sao thị giác thấy chính nó?

Nếu tánh của thị giác đã viên mãn thì làm sao có nơi để hòa chung với ánh sáng?

Nếu ánh sáng đã viên mãn thì nó không thể hòa chung với thị giác của ông.

Do bởi thị giác khác biệt với ánh sáng, nó sẽ diệt mất chính nó nếu hòa chung ở trong ánh sáng. Cũng vậy, ánh sáng sẽ mất tên gọi của nó nếu hòa chung ở trong thị giác. Tóm lại, nói rằng thị giác hòa chung với ánh sáng là chẳng đúng. Tương tự, thị giác đối với đen tối, hư không, và ngăn che thì cũng lại như thế.

Lại nữa, Khánh Hỷ! Ta nay lại hỏi ông. Thị giác nhiệm màu thanh tịnh và tinh khiết của ông, là hợp nhất với ánh sáng, là hợp nhất với đen tối, là hợp nhất với hư không, hay là hợp nhất với ngăn che?

Nếu là hợp nhất với ánh sáng, tướng của ánh sáng sẽ diệt mất khi đen tối đến, thế thì làm sao ông có thể thấy đen tối khi mà thị giác chẳng hợp nhất với đen tối?

Giả sử thị giác chẳng hợp nhất với đen tối mà hợp nhất với ánh sáng, vậy khi thấy đen tối, ông lẽ ra sẽ không thấy ánh sáng. Nếu ông chẳng thấy ánh sáng thì làm sao gọi là hợp nhất với ánh sáng? Nhưng thực tế thì ông có thể thấy ánh sáng và biết rõ đó không phải là đen tối.

Tương tự, thị giác đối với đen tối, hư không, và ngăn che thì cũng lại như thế."

Ngài Khánh Hỷ thưa với Phật rằng:

"Thưa thế Tôn! Nay con suy nghĩ rằng, thị giác nhiệm màu và giác liễu bốn nguyên này, không hòa chung hay hợp nhất với các duyên trần hoặc với tâm niệm suy tư."

Đức Phật bảo:

"Nay ông lại nói rằng, giác tánh của ông chẳng hòa chung hay hợp nhất. Ta lại hỏi ông. Nếu thị giác nhiệm màu tinh khiết này của ông chẳng hòa chung, là chẳng hòa chung với ánh sáng, là chẳng hòa chung với đen tối, là chẳng hòa chung với hư không, hay là chẳng hòa chung với ngăn che?"

Nếu chẳng hòa chung với ánh sáng, thì tất sẽ có một ranh giới giữa thị giác của ông và ánh sáng. Ông bây giờ hãy quán sát tường tận, ánh sáng ở chỗ nào? Thị giác của ông ở chỗ nào? Ranh giới giữa thị giác của ông và ánh sáng ở chỗ nào?"

Này Khánh Hỷ! Nếu thị giác của ông hoàn toàn không ở trong phạm vi của ánh sáng, thì tức là cả hai chẳng tiếp xúc. Do đó ông cũng không biết ánh sáng ở chỗ nào. Thế thì ranh giới giữa chúng làm sao tồn tại? Tương tự, thị giác đối với đen tối, hư không, và ngăn che thì cũng lại như thế.

Lại nữa, nếu thị giác nhiệm màu tinh khiết này của ông chẳng hợp nhất, là chẳng hợp nhất với ánh sáng, là chẳng hợp nhất với đen tối, là

chẳng hợp nhất với hư không, hay là chẳng hợp nhất với ngăn che?

Nếu chẳng hợp nhất với ánh sáng, thì tánh của thị giác và ánh sáng sẽ hoàn toàn không tương quan. Đây giống như thính giác và ánh sáng chẳng tương quan; chúng sẽ không bao giờ tiếp xúc với nhau. Như ông chẳng biết ánh sáng ở chỗ nào, thì làm sao có thể biết được ánh sáng có hợp nhất hay chẳng hợp nhất với thị giác của ông? Tương tự, thị giác đối với đen tối, hư không, và ngăn che thì cũng lại như thế.

---

Này Khánh Hỷ! Ông vẫn còn chưa hiểu, rằng tướng của hết thảy trần cảnh đều là huyễn hóa. Chúng tùy theo chỗ mà sanh ra và tùy theo chỗ mà diệt mất. Tướng của chúng gọi là huyễn hóa hư vọng, nhưng tánh của chúng thật sự ở trong diệu giác minh thể. Cho đến 5 uẩn, 6 nhập, 12 xứ, và 18 giới thì cũng lại như thế. Chúng do nhân duyên hòa hợp mà hư vọng sanh ra, và cũng do nhân duyên biệt ly mà hư vọng diệt mất. Ông hoàn toàn chẳng biết rằng, mọi thứ sanh diệt và đến đi vốn là từ trong tánh Chân Như nhiệm mầu, thường trụ diệu minh, và bất động chu viên của Như Lai tạng. Cho dù ông tìm cầu sự đến đi, mê ngộ, hay sanh diệt ở trong tánh chân thường của Như Lai Tạng, thì vĩnh viễn chẳng thể được.

---

Này Khánh Hỷ! Làm sao năm uẩn vốn là từ tánh Chân Như nhiệm mầu của Như Lai tạng?

Này Khánh Hỷ! Ví như có người với đôi mắt trong sáng nhìn lên bầu trời quang đãng, họ chỉ thấy hư không và hoàn toàn chẳng có gì khác. Giả sử, chẳng biết vì nguyên nhân gì, mắt của người ấy chẳng hề nháy và tròng mắt nhìn cho đến khi riêng chỉ một mình họ thấy những hoa đốm giữa hư không, cùng với đủ mọi hình ảnh hỗn loạn và không có tướng chân thật. Ông nên biết rằng sắc uẩn thì cũng lại như vậy.

Này Khánh Hỷ! Những hoa đốm này chẳng phải từ hư không đến và cũng chẳng phải từ mắt sanh ra.

Như thế, Khánh Hỷ! Giả sử những hoa đốm này từ hư không đến. Nhưng nếu chúng từ hư không đến thì sẽ vào lại hư không. Nếu có sự sanh ra và vào lại hư không thì đó chẳng phải là hư không. Nếu hư không mà chẳng phải rỗng không thì sẽ không thể dung chứa hiện tượng sanh khởi và diệt mất của những hoa đốm này. Đây ví như thân thể của Khánh Hỷ thì chẳng thể dung chứa một Khánh Hỷ khác vậy.

Ngược lại, giả sử những hoa đốm này từ mắt sanh ra. Nhưng nếu chúng từ mắt sanh ra thì sẽ vào lại trong mắt. Nếu tánh của những hoa đốm từ mắt sanh ra, chúng sẽ hợp chung ở trong thị giác của con mắt. Nếu chúng có thị giác, thì khi từ con mắt ra khỏi, chúng có thể vào lại và nhìn thấy con mắt. Còn nếu chúng chẳng có thị giác, thì khi từ con mắt ra khỏi, chúng sẽ che khuất một phần của hư không, rồi khi chúng vào lại, chúng sẽ che khuất nhãn lực. Hơn nữa, nhãn lực của người ấy không thể bị che khuất, do bởi họ có thể thấy những hoa đốm; và chẳng phải trước đó chúng ta nói rằng người ấy với đôi mắt trong sáng nhìn lên bầu trời quang đãng hay sao?

Cho nên phải biết rằng, sắc uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

---

Này Khánh Hỷ! Ví như có người với chân tay thả lỏng để nghỉ ngơi và toàn khắp thân thể được an hòa. Ngay lúc này, người ấy bỗng quên đi thân thể của mình, và chẳng cảm thấy vừa ý hay chẳng phải không vừa ý. Giả sử, chẳng biết vì nguyên nhân gì, người ấy chà xát hai lòng bàn tay với nhau ở trong hư không. Ở giữa hai lòng bàn tay, người ấy vọng sanh ra những cảm giác thô sấp, trơn mịn, ấm áp hay lạnh giá. Ông nên biết rằng thọ uẩn thì cũng lại như vậy.

Này Khánh Hỷ! Những cảm giác xúc chạm huyễn hóa này chẳng do từ hư không đến và cũng chẳng do từ lòng bàn tay sanh ra.

Như thế, Khánh Hỷ! Giả sử hư không có thể tạo ra những cảm giác xúc chạm ở lòng bàn tay, tại sao nó lại chẳng xúc chạm đến thân? Hư không lẽ ra không nên có sự tuyển lựa nơi xúc chạm.

Ngược lại, giả sử những cảm giác xúc chạm này từ lòng bàn tay sanh ra, thì đáng lẽ không cần phải cọ xát hai lòng bàn tay.

Lại nữa, nếu những cảm giác xúc chạm này từ hai lòng bàn tay sanh ra, thì chúng đáng lẽ sẽ nhận biết được những cảm giác xúc chạm đó. Và khi người ấy tách rời hai lòng bàn tay, cảm giác xúc chạm lẽ ra phải vào lại cổ tay, cánh tay, rồi xương tủy, và lẽ ra những nơi ấy cũng nhận biết được tung tích khi nó vào lại. Trong trường hợp đó thì tâm

chắc chắn cũng nhận biết được nó khi ra khi vào, tựa như có một vật đến đi ở trong thân vậy. Thế thì cần gì phải đợi có hai lòng bàn tay cọ xát để tạo ra những cảm giác xúc chạm đó?

Cho nên phải biết rằng, thọ uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

---

Này Khánh Hỷ! Ví như có người chảy nước miếng khi nhắc đến trái mận chua, hoặc lòng bàn chân bỗng dưng đau nhức khi nghĩ đến đang bước trên bờ vực thẳm. Ông nên biết rằng tướng uẩn thì cũng lại như vậy.

Này Khánh Hỷ! Như trường hợp chảy nước miếng khi nhắc đến trái mận chua, thì chẳng do từ trái mận thật và cũng chẳng do từ miệng của người ấy.

Như thế, Khánh Hỷ! Nếu chảy nước miếng là do từ trái mận thật, vậy có nghĩa là trái mận chịu trách nhiệm nhắc đến chính nó. Thế thì đâu cần phải đợi người khác nhắc đến chúng làm gì? Trái lại, nếu chảy nước miếng là do từ miệng, vậy có nghĩa là cái miệng có thể nghe được. Thế thì đâu cần lỗ tai làm gì? Còn nếu chỉ riêng tai nghe được, vậy có phải lỗ tai cũng có thể tiết ra nước miếng chẳng?

Về việc lòng bàn chân bỗng dưng đau nhức khi nghĩ đến đang bước trên bờ vực thẳm và trường hợp chảy nước miếng khi nhắc đến trái mận chua thì cả hai giống nhau.

Cho nên phải biết rằng, tướng uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

---

Này Khánh Hỷ! Ví như các dòng chảy xiết, những làn sóng nối tiếp liên tục, và những làn sóng ở sau thì không bao giờ bắt kịp những làn sóng ở trước. Ông nên biết rằng hành uẩn thì cũng lại như vậy.

Này Khánh Hỷ! Các dòng chảy xiết như thế chẳng do từ hư không tạo ra, và cũng chẳng do từ nước mà có. Chúng chẳng giống như nước, nhưng đồng thời chúng cũng không tách rời khỏi nước hay hư không.

Như thế, Khánh Hỷ! Nếu các dòng chảy xiết nhân bởi hư không mà sanh ra, thế thì vô tận hư không khắp mười phương sẽ trở thành những dòng chảy vô tận, và tất cả thế giới đều sẽ bị nhấn chìm. Còn nếu các dòng chảy xiết nhân bởi nước mà có, thế thì tánh của các dòng chảy xiết này sẽ chẳng giống như tánh của nước. Các dòng chảy xiết và nước sẽ tách rời và riêng biệt; nhưng rõ ràng thì chúng không phải. Ngược lại, nếu các dòng chảy xiết và nước giống nhau, thì khi nước lắng trong, nó sẽ chẳng còn là nước nữa. Tuy nhiên, các dòng chảy xiết và nước không thể tách rời nhau, do bởi sẽ không có các dòng chảy xiết nếu chẳng có nước. Các dòng chảy xiết cũng không thể tách rời hư không, do bởi chẳng gì tồn tại ở ngoài hư không.

Cho nên phải biết rằng, hành uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

---

Này Khánh Hỷ! Ví như có người lấy một cái bình trống rồi bịt nắp lại. Người ấy nghĩ rằng đã chứa đầy hư không ở trong bình, rồi đi xa 1.000 dặm để đến nước khác. Ông nên biết rằng thức uẩn thì cũng lại như vậy.

Này Khánh Hỷ! Hư không ở trong bình thật sự chẳng đến từ nơi khởi hành và cũng chẳng đến từ nơi đích.

Như thế, Khánh Hỷ! Nếu hư không ở trong bình đến từ nơi đích, thì hư không chứa ở nơi khởi hành đã bị thất thoát. Còn nếu hư không đến từ nơi khởi hành, thì khi mở nắp và lật ngược bình xuống, lẽ ra phải thấy hư không ở trong tuôn ra.

Cho nên phải biết rằng, thức uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên."

## Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố và Mật Nhân của Như Lai về Chư Bồ-tát Vạn Hạnh để Tu Chứng Liễu Nghĩa ♦ Hết quyển 2

---

Dịch từ Phạn văn: Pháp sư Cự Lượng ở Thế Kỷ 7-8

Dịch sang Tiếng Việt: Tại gia Bồ-tát giới Thanh tín nam Nguyên Thuận

Dịch nghĩa: 5/8/2016 ♦ Cập nhật: 29/8/2016



❁ Cách Đọc Chũ Phạn

---

Bhikṣu: bíc su